

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 19 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Huy Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đinh Thị Kim Dung

- Bà Lèo Thị Chan

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Anh Cường, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2017/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Vàng A N. Tên gọi khác: Vàng Chờ N; Sinh ngày 02 tháng 9 năm 1980 tại MS, Sơn La; Nơi cư trú: Bản MC, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, đoàn thể: Đảng viên (Hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 71-QĐ/UBKTHU ngày 14/7/2017 và quyết định gia hạn đình chỉ sinh hoạt đảng số 82-QĐ/UBKTHU ngày 17/11/2017 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy huyện MS); con ông Vàng Dứa D và bà Vĩ Thị D1 (đã chết); có vợ là Mùa Thị B và có 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003); Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 06/7/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vàng A N:* Ông Trần Minh Huân, Luật sư Văn phòng luật sư Trần Huân, Đoàn luật sư tỉnh Sơn La (*có mặt tại phiên tòa*)

- *Người bị hại:*

1. Sòng Thị S, sinh năm 1997; nơi cư trú: Bản NL, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La (*có mặt tại phiên tòa*)

2. Sòng Thị K, sinh năm 1993; nơi cư trú: Bản NL, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La (vắng mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Sòng A T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Bản NL, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa)

2. Sòng A P, sinh năm 1969; nơi cư trú: Bản NL, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La (có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Vàng A N bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 18/3/2017, Cơ quan an ninh điều tra (PA92) Công an tỉnh Sơn La tiếp nhận đơn trình báo của anh Sòng A T, trú tại bản NL, xã NO, huyện MS, tỉnh Sơn La trình báo về việc Vàng A N (trú tại: Bản MC, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La) đã lừa chị gái anh là Sòng Thị K và em họ là Sòng Thị S đưa sang Trung Quốc bán. Căn cứ kết quả điều tra ngày 06/7/2017, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Vàng A N; ngày 26/10/2017, Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Sơn La khởi tố bị can, ra lệnh bắt tạm giam đối với Vì Thị Nh về tội Mua bán người. Hiện Vì Thị Nh đang bỏ trốn chưa bắt được.

Quá trình điều tra, Vàng A N khai nhận:

Đầu tháng 4/2016, N đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Vì Thị Nh, trú tại xã Tả Ngải Chồ, huyện MK, tỉnh Lào Cai (là em họ của N), gọi điện báo N đón người phụ nữ dân tộc Mông ở huyện MS đưa lên Lào Cai để Nh đưa sang Trung Quốc bán, tiền bán được sẽ chia nhau, N đồng ý. Sau đó Nh gửi số điện thoại của Sòng Thị K báo N liên lạc đón K đưa lên Lào Cai, tiền vé xe và chi phí đi đường N bỏ tra trước, sau khi đưa được người bán sang bên Trung Quốc thì Nh sẽ gửi tiền về cho N. Sau khi có số điện thoại của K, N gọi điện rủ K đi chơi. Ngày 04/4/2016, K gọi điện cho N nói đang ở xã NO, huyện MS cùng với Sòng Thị S và báo N đến đón. Do đang làm thuê ở huyện TC nên N hẹn gặp K tại Ngã ba đường rẽ đi huyện SM. Khi đi đến điểm hẹn thì thấy K đang bế theo con nhỏ và S đang đứng đợi, N rủ K, S xuống thị trấn HL, huyện MS, Sơn La chơi, K, S đồng ý. N đưa K, S 30.000 đồng để K, S đi xe Bus đi còn N đi xe máy theo sau. Khi đến thị trấn HL, MS, N đưa S, K và con gái K vào nhà nghỉ Nam Hải thuê một phòng nghỉ ở đó hai tối. Đến chiều ngày thứ ba, N thanh toán tiền phòng và báo K, S đi lên thành phố Sơn La. N thuê hai phòng nghỉ trọ gần bến xe thành phố Sơn La để hôm sau đưa K, S đi Lào Cai. Đến 05 giờ hôm sau, N đưa K, S ra bến xe khách Sơn La đón xe đi Lào Cai. Trước khi đi N cho K số điện thoại của

Vì Thị Nh (ở Lào Cai) và 800.000 đồng để chi phí đi đường. Sau khi K, S và con gái K lên xe đi Lào Cai, N gọi điện cho Vì Thị Nh để Nh đón K, S. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, N nhận điện thoại của Nh thông báo đã đón được K, S đưa sang Trung Quốc bán được 9000 nhân dân tệ và nói sẽ gửi cho N 7000 nhân dân tệ. N đã gửi số tài khoản của Mùa Thị B (vợ N) tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện MS, Sơn La để Nh gửi tiền. Ngày 11/4/2016, Nh gọi điện thông báo đã gửi cho N số tiền 24.800.000 đồng, N bảo Bàu rút số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Bị hại Sông Thị K, Sông Thị S khai: Khoảng đầu tháng 4/2016, K nhận được điện thoại của một người đàn ông tự giới thiệu tên N gọi điện làm quen. Ngày 04/4/2016, Sông Thị K bế con gái (Vàng Thị QN) cùng với S Thị S đi chơi ở xã NO, MS. K gọi điện bảo N đón K, S đi chơi. N hẹn gặp K, S ở ngã ba đường Quốc lộ 6A (đường rẽ đi SM). N đón xe cho K, S đi xuống HL, MS, Sơn La chơi hai ngày, đến chiều ngày thứ ba thì lên thành phố Sơn La và sáng hôm sau thì N đón xe khách cho S và K đi thành phố Lào Cai, khi hai mẹ con K và S đến bến xe thì có một phụ nữ dân tộc Mông tên là Pà Nh đi xe máy đến gặp K và S, Pà Nh thuê một xe taxi cho hai mẹ con K và S đến điểm đón xe khách đi huyện MK, tỉnh Lào Cai. Sau đó Nh cùng một phụ nữ đi 02 xe máy đưa Sông Thị K, Sông Thị S và con gái K sang Trung Quốc bán cho ba người đàn ông Trung Quốc. Ngày 03/5/2016, Sông Thị S được Đồn biên phòng PL, huyện MK giải cứu. Ngày 14/3/2017, Sông Thị K đã trốn được về Việt Nam.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình Sông Thị S yêu cầu bồi thường tiền danh dự và chi phí tìm kiếm là 30.000.000 đồng; Gia đình Sông Thị K yêu cầu bồi thường danh dự và chi phí tìm kiếm là 26.000.000 đồng.

Đối với Vì Thị Nh hiện đang bỏ trốn, Cơ quan an ninh điều tra đã ra lệnh truy nã và quyết định tách vụ án, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 1127/P1-VKS ngày 30/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Vàng A N về tội Mua bán người theo điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vàng A N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo thừa nhận đã lừa dối Sông Thị S và Sông Thị K về việc đi sang Trung Quốc lấy chồng sẽ có cuộc sống tốt hơn, nhưng mục đích là để đưa các bị hại đến gặp Vì Thị Nh để Nh đưa họ sang Trung Quốc bán kiếm lợi. Bị cáo khai do sợ bị cơ quan chức năng phát hiện hành vi vi phạm nên sau khi đưa các bị hại đến bến xe khách thành phố Sơn La bị cáo đã đưa tiền, số điện thoại của Vì Thị Nh cho Sông Thị K để các bị hại tự đón xe khách đi sang Lào Cai và liên lạc với Nh. Số tiền bị cáo được Vì Thị Nh chia sau khi bán Sông Thị S và Sông Thị K là 24.800.000 đồng, số tiền trên bị cáo đã sử dụng cá nhân hết.

- Người bị hại Sông Thị S khai: S và K bị Vàng A N lừa dối về việc sang Trung Quốc để lấy chồng, làm việc có mức thu nhập cao, nhưng khi sang Trung Quốc mới biết bị Vàng A N và Vì Thị Nh lừa bán, sau khi ở nhà người đàn ông Trung Quốc đã mua S và K được khoảng 1 tháng thì Sông Thị S đòi về nhưng đàn ông đó đã yêu cầu S liên lạc với gia đình đem đến biên giới chuộc với giá 30.000.000đ, sau khi thỏa thuận việc chuộc người, người đàn ông Trung Quốc đã đưa S sang biên giới Việt Nam - Trung Quốc để nhận tiền chuộc thì được bộ đội đồn biên phòng PL và gia đình giải cứu đưa về nhà, còn K do không liên lạc được với gia đình nên vẫn ở lại Trung Quốc. Sông Thị S yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tiền tổn thất danh dự nhân phẩm bị xâm hại là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sông A T yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí công tìm kiếm và tiền tổn thất danh dự nhân phẩm đối với Sông Thị K tổng cộng 26.000.000đ (trong đó có số tiền là 16.000.000đ là tiền chi phí tìm kiếm Sông Thị K).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Sông A P yêu cầu bị cáo phải bồi thường chi phí công tìm kiếm Sông Thị S số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)

- Bị cáo Vàng A N nhất trí bồi thường số tiền người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã yêu cầu.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo Vàng A N.

Đề nghị áp dụng điểm đ, e khoản 2, khoản 3 Điều 119; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự. Xử phạt Vàng A N từ 05 đến 06 năm tù.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo mức 3 triệu đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường giữa bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Vàng A N: Luật sư nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố đối với bị cáo, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện điều tra đối với Vì Thị Nh; bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức; điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Vàng A N nhận tội, bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Luật sư và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công tỉnh Sơn La, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Vàng A N:

Đầu tháng 4/2016, Vàng A N nhận lời của Vì Thị Nh (em họ của N) về việc đưa phụ nữ dân tộc Mông ở huyện MS, tỉnh Sơn La sang tỉnh Lào Cai để Nh đưa sang Trung Quốc bán, tiền bán được sẽ chia nhau. Sau đó, qua giới thiệu của Nh, N đã liên lạc với Sông Thị K và hẹn đón K đi chơi. Ngày 04/4/2016, Sông Thị K cùng con nhỏ và S Thị S đi chơi ở xã NO, huyện MS và có gọi N đến đón, N đã đón K, S đưa xuống thị trấn HL, MS chơi hai ngày, khi gặp K, S, N đã nói chuyện và lừa dối K, S đi sang Trung Quốc lấy chồng sẽ có cuộc sống tốt hơn, K S đồng ý (sau đó N liên lạc báo cho Nh biết đã tìm đón được K và S). Đến ngày thứ ba thì N đưa các bị hại lên thuê nhà nghỉ gần bến xe khách thành phố Sơn La, sáng hôm sau N đưa 800.000đ và số điện thoại của Nh cho K và bảo K, S lên xe đi Lào Cai sẽ có Nh đón, sau đó N thông báo cho Nh đến đón S và K để đưa sang Trung Quốc. Sau khi được Vì Thị Nh đón, các bị hại đã bị Nh bán sang Trung Quốc và thu được 9.000 nhân dân tệ. N đã được Nh chia cho số tiền 24.800.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Vàng A N được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn trình báo ngày 07 tháng 05 năm 2016 của ông Sông A P, Đơn đề nghị ngày 17 tháng 3 năm 2017 của anh Sông A T đã tố giác Vàng A N về hành vi lừa bán Sông Thị K, Sông Thị S sang Trung Quốc.

- Biên bản nhận dạng lập ngày 26/6/2017 đối với đối tượng Vàng A N, Vì Thị Nh của Sông Thị S; biên bản nhận dạng lập ngày 12/8/2017 đối với đối tượng Vì Thị Nh của Vàng A N. Kết quả Sông Thị S nhận dạng được đối tượng Vàng A N; Sông Thị S và Vàng A N đều nhận dạng được đối tượng Vì Thị Nh.

- Chứng từ giao dịch số 0411007700025 ngày 11/4/2016 của

NHNo&PTNT VN chi nhánh huyện MS, Sơn La, chứng minh việc chuyển, nhận số tiền 24.800.000 đồng giữa Vì Thị Nh với Vàng A N thông qua tài khoản của Mùa Thị B (vợ N).

- Lời khai nhận về hành vi phạm tội của Vàng A N phù hợp với lời khai của bị hại Sông Thị K, Sông Thị S, người biết việc Mùa Thị B (vợ N), Lê Thị S1 (chủ nhà nghỉ tại thị trấn HL, MS), Vừ A Ly (người đã giúp đỡ và đưa Sông Thị K trở về Việt Nam); phù hợp với tài liệu giải cứu Sông Thị S được lập vào ngày 04/5/2016 của đồn Biên phòng PL, huyện MK, tỉnh Lào Cai.

Từ các căn cứ như đã nêu trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vàng A N phạm tội Mua bán người theo quy định tại Điều 119 Bộ luật Hình sự 1999.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là xâm phạm quyền tự do, thân thể của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ, song vì hám lời đã bất chấp pháp luật để thực hiện tội phạm. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội đối Sông Thị S và Sông Thị K và đưa các bị hại sang Trung Quốc bán, do đó hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự 1999 “*đối với nhiều người*” và “*để đưa ra nước ngoài*”, có khung hình phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm.

[4] Về vai trò của bị cáo trong vụ án:

Vàng A N là người tiếp nhận thông tin và thực hiện hành vi phạm tội do Vì Thị Nh khởi xướng, tại Sơn La bị cáo là liên lạc và lừa dối người bị hại, trực tiếp đón, đưa tiền cho bị hại đón xe khách, chỉ dẫn cho người bị hại đến gặp Vì Thị Nh, sau đó Vì Thị Nh trực tiếp đưa các bị hại sang Trung Quốc bán, Vàng A N được Vì Thị Nh chia cho số tiền 24.800.000 đồng, do đó bị cáo là đồng phạm giúp sức trong vụ án.

[5] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt:

Bị cáo không có tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện và điều tra đối với Vì Thị Nh; bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm, do đó được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, q khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và được xem xét áp dụng Điều 53 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tham gia với vai trò đồng phạm, nên cần áp dụng mức hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo đồng thời đảm bảo việc cải tạo, giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét về tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền mức 3.000.000đ là phù hợp điều kiện kinh tế của bị cáo và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Tại phiên tòa, người bị hại Sông Thị S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Sông A P, anh Sông A T và bị cáo đã thỏa thuận mức bồi thường như sau: Bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm cho chị Sông Thị S số tiền là 10.000.000đ; bồi thường chi phí tìm kiếm cho ông Sông A P số tiền là 20.000.000đ; bồi thường chi phí tìm kiếm cho anh Sông A T số tiền 16.000.000đ; ngoài ra bị cáo nhất trí bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm cho người bị hại Sông Thị K số tiền 10.000.000đ như người bị hại đã yêu cầu.

Xét việc thỏa thuận bồi thường, mức bồi thường giữa bị cáo và những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8] Về khoản tiền thu lời từ hành vi phạm tội: Đối với số tiền 24.800.000 đồng bị cáo Vàng A N khai được hưởng lợi từ hành vi mua bán người. Xét có căn cứ xác định, ngày 11/4/2016, Vì Thị Nh đã chuyển 24.800.000 đồng vào tài khoản số 7904205169826 của Mùa Thị B - vợ N (có chứng từ giao dịch), số tiền trên đã được Mùa Thị B rút ra đưa cho N để sử dụng cá nhân, nên cần truy thu số tiền trên để sung công quỹ Nhà nước.

[9] Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel thu giữ của Vàng A N, là phương tiện bị cáo sử dụng để phục vụ hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí: Bị cáo Vàng A N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vàng A N phạm tội Mua bán người

1. Áp dụng điểm đ, e khoản 2, khoản 3 Điều 119, điểm p, q khoản 1 Điều 46; khoản 2 khoản 3 Điều 30; Điều 53 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo Vàng A N 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 06/7/2017.

- Phạt tiền bị cáo Vàng A N: 3.000.000đ (ba triệu đồng).

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Vàng A N phải bồi thường cho người bị hại Sông Thị S số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Buộc bị cáo Vàng A N phải bồi thường cho người bị hại Sông Thị K số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Buộc bị cáo Vàng A N phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Sông A P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Vàng A N phải bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Sông A T số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

3. *Về vật chứng:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động, vỏ màu đen, viền đỏ nhãn hiệu Masstel đã qua sử dụng thu giữ của Vàng A N trong vụ án.

- Truy thu số tiền 24.800.000 đồng (hai mươi tư triệu, tám trăm nghìn đồng) của Vàng A N để sung công quỹ Nhà nước.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí:

Buộc bị cáo Vàng A N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng, án phí dân sự có giá ngạch là 2.800.000 đồng. Tổng cộng, số án phí bị cáo phải chịu là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)

5. *Về quyền kháng cáo đối với bản án:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/01/2018), người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Phòng PA92-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBKT huyện ủy huyện MS, tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-AV.

Đinh Huy Hiệp